

UBND TỈNH QUẢNG TRỊ  
SỞ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1243 /SCT-QLCN

Quảng Trị, ngày 26 tháng 8 năm 2020

V/v góp ý Dự thảo quyết  
định thay thế Quyết định 53/2014/QĐ-  
UBND về quy chế quản lý và sử dụng  
kinh phí khuyến công trên địa bàn tỉnh  
Quảng Trị

Kính gửi:

- Các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ, Lao động - TB&XH, Nông nghiệp & PTNT, Khoa học và Công nghệ, Tư pháp, Mặt trận TQVN tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố Đông Hà;
- Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh.

Thực hiện chương trình công tác trong tâm của UBND tỉnh tại Quyết định số 223/QĐ-UBND ngày 21/01/2020; Nghị quyết số 38/2020/NQ-HĐND ngày 23/7/2020 của HĐND tỉnh Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, Sở Công Thương đã triển khai xây dựng Dự thảo quyết định thay thế Quyết định 53/2014/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND tỉnh về quy chế quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Để có cơ sở tham mưu trình UBND tỉnh quyết định, Sở Công Thương kính đề nghị các cơ quan, ban, ngành, địa phương liên quan tham gia góp ý Dự thảo quyết định thay thế Quyết định 53/2014/QĐ-UBND về quy chế quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (*Dự thảo gửi kèm*).

Văn bản tham gia góp ý gửi về Sở Công Thương, số 313, đường Hùng Vương, phường Đông Lương, TP Đông Hà trước ngày 10/9/2020 để tổng hợp trình UBND tỉnh.

Kính đề nghị Trung tâm tin học tỉnh đăng công báo để lấy ý kiến các tổ chức, cá nhân theo quy định.

Rất mong được sự quan tâm, phối hợp của quý cơ quan, đơn vị./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- TT tin học tỉnh;
- GD, PGD (đ/c Dũng);
- TT KC&TVPTCN (đ/b);
- Lưu VT, QLCN.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Lê Tiến Dũng**

Số: /2020/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày tháng năm 2020

DỰ THẢO

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp khuyến  
công trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm  
2015;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính  
phủ về khuyến công;*

*Căn cứ Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ  
Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP  
ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;*

*Căn cứ Thông tư số 20/2017/TT-BCT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ  
Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày  
28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của  
Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến  
công;*

*Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 03 năm 2018 của Bộ  
Tài chính Hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công;*

*Căn cứ Nghị quyết số 38/2020/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2020 của  
Hội đồng Nhân dân tỉnh Quảng Trị Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ hoạt  
động khuyến công trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại tờ trình số.../TTr-SCT ngày  
tháng...năm 2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết chế này Quy định quản lý và sử dụng  
kinh phí sự nghiệp khuyến công trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng...năm 2020  
và thay thế Quyết định số 53/2014/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2014 của  
UBND tỉnh Quảng Trị Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng kinh phí khuyến  
công trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Công Thương, Kho bạc Nhà nước, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 2;
- Bộ Công Thương;
- TV Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó CT UBND tỉnh;
- Các PVP, CV;
- Lưu: VT, CN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

Quảng Trị, ngày tháng năm 2020

DỰ THẢO

## QUY CHẾ

### Quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp khuyến công trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2020/QĐ-UBND ngày tháng năm 2020  
của UBND tỉnh Quảng Trị)

## Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công của địa phương để khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tham gia phát triển sản xuất công nghiệp nông thôn, áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (sau đây gọi chung là hoạt động khuyến công).

### Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh, bao gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật;
- Các cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn;
- Các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế hoạt động dịch vụ khuyến công.

### Điều 3. Ngành, nghề được hưởng chính sách khuyến công

- Công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản và chế biến thực phẩm.
- Sản xuất hàng công nghiệp phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu, hàng thay thế hàng nhập khẩu.
- Công nghiệp hoá chất phục vụ nông nghiệp, nông thôn. Sản xuất vật liệu xây dựng (trừ sản xuất gạch đất sét nung).
- Sản xuất sản phẩm, phụ tùng, linh kiện; lắp ráp và sửa chữa máy móc, thiết bị, dụng cụ cơ khí, điện, điện tử - tin học. Sản xuất, gia công chi tiết, bán thành phẩm và công nghiệp hỗ trợ.
- Sản xuất hàng tiểu thủ công nghiệp.

- Áp dụng sản xuất sạch hơn trong các cơ sở sản xuất công nghiệp.

#### **Điều 4. Nguồn kinh phí bảo đảm hoạt động khuyến công**

1. Ngân sách tỉnh bảo đảm kinh phí cho các hoạt động khuyến công tỉnh do UBND tỉnh quản lý, tổ chức thực hiện. Kinh phí khuyến công cấp tỉnh được cấp vào kinh phí hoạt động hằng năm của Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp Quảng Trị.

2. Ngân sách cấp huyện bảo đảm kinh phí cho các hoạt động khuyến công địa phương do Ủy ban Nhân dân cấp huyện (các huyện, thị xã, thành phố) quản lý, tổ chức thực hiện. Kinh phí khuyến công cấp huyện được cấp vào kinh phí hoạt động hằng năm của các đơn vị sự nghiệp khuyến công cấp huyện.

3. Ngoài các nguồn kinh phí nêu trên, Ủy ban Nhân dân các cấp, Sở Công Thương, Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp Quảng Trị và các đơn vị sự nghiệp khuyến công cấp huyện có trách nhiệm huy động các nguồn tài chính hợp pháp khác, lồng ghép các dự án thuộc các Chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác để thực hiện tốt mục tiêu của khuyến công.

#### **Điều 5. Nguyên tắc sử dụng kinh phí khuyến công**

1. Kinh phí khuyến công các cấp bảo đảm chi cho những hoạt động khuyến công do Ủy ban Nhân dân các cấp quản lý và tổ chức thực hiện đối với hoạt động, sản xuất các sản phẩm công nghiệp phù hợp với chiến lược, quy hoạch về phát triển kinh tế - xã hội và các quy ngành liên quan.

2. Các đề án, nhiệm vụ khuyến công thực hiện theo phương thức xét chọn hoặc đấu thầu tuân theo các quy định của Ủy ban Nhân dân tỉnh.

#### **Điều 6. Điều kiện được hưởng chính sách khuyến công**

Để được hưởng chính sách khuyến công, các tổ chức, cá nhân cần phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Tổ chức, cá nhân đúng đối tượng quy định tại Điều 2, có ngành nghề phù hợp với danh mục ngành nghề quy định tại Điều 3 và nội dung đề nghị hỗ trợ theo quy định tại Điều 7 của Quy chế này.

2. Nội dung đăng ký hỗ trợ khuyến công của tổ chức, cá nhân chưa được hỗ trợ từ các nguồn kinh phí khác của Nhà nước.

3. Tổ chức, cá nhân đã đầu tư vốn hoặc cam kết đầu tư đủ kinh phí thực hiện đề án khuyến công đã được cấp thẩm quyền phê duyệt và có hồ sơ đề án khuyến công theo quy định.

4. Thực hiện đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.

### **Chương II**

## **NỘI DUNG VÀ MỨC CHI HOẠT ĐỘNG KHUYẾN CÔNG**

#### **Điều 7. Nội dung và mức chi hoạt động khuyến công cấp tỉnh**

1. Hỗ trợ khởi sự, thành lập và nâng cao năng lực cơ sở công nghiệp nông thôn (sau đây gọi tắt là cơ sở CNNT)

a) Tư vấn lập dự án đầu tư, thành lập doanh nghiệp sản xuất công nghiệp tại các địa bàn có điều kiện kinh tế khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật. Mức hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/doanh nghiệp.

b) Thuê tư vấn quản lý sản xuất-tài chính-kế toán-nhân lực- marketing; tư vấn công nghệ - thiết bị mới; tư vấn, hướng dẫn về chính sách đất đai, chính sách ưu đãi đầu tư, khoa học công nghệ, tài chính - tín dụng, các chính sách ưu đãi khác của Nhà nước và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng, môi trường tại doanh nghiệp. Mức hỗ trợ tối đa 80% chi phí nhưng không quá 35 triệu đồng/cơ sở.

c) Tổ chức các lớp đào tạo khởi sự, quản trị doanh nghiệp. Mức chi áp dụng theo Thông tư số 05/2019/TT-BKHĐT ngày 29/3/2019 của Bộ Kế hoạch-Đầu tư Hướng dẫn hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa và một phần đóng góp của doanh nghiệp, cơ sở CNNT.

d) Thành lập Hội, Hiệp hội ngành nghề cấp tỉnh. Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí, nhưng không quá 30 triệu đồng/hội, chi hội và không quá 50 triệu đồng/hiệp hội;

e) Hình thành cụm liên kết doanh nghiệp công nghiệp. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí nhưng không quá 50 triệu đồng/cụm liên kết.

2. Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến và phát triển sản phẩm mới

a) Xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, ứng dụng công nghệ, thiết bị tiên tiến, hiện đại vào sản xuất hay sản xuất sản phẩm mới nhằm nhân rộng mô hình. Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí nhưng không quá 350 triệu đồng/mô hình.

b) Nhận chuyển giao công nghệ, kỹ thuật sản xuất tiên tiến; đổi mới, ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến, hiện đại vào sản xuất nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, hiệu quả sản xuất, tiết kiệm nguyên vật liệu, giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí nhưng không quá 250 triệu đồng/cơ sở.

c) Phổ biến tuyên truyền, nhân rộng các cơ sở đang hoạt động có hiệu quả để các tổ chức cá nhân khác học tập. Mức hỗ trợ tối đa không quá 80 triệu đồng/mô hình.

### 3. Hỗ trợ đào tạo lao động

Các cơ sở có nhu cầu đào tạo (tối thiểu 20 lao động đối với thành phố Đông Hà và thị xã Quảng Trị; 10 lao động đối với huyện Đảo Cồn Cỏ và 15 lao động đối với các huyện còn lại. Trường hợp lao động là người khuyết tật thì 01 người được tính bằng 02 người) gắn với việc sử dụng lao động sau đào tạo. Việc đào tạo lao động được thực hiện theo hình thức đào tạo nghề ngắn hạn, gắn lý thuyết với thực hành và được hỗ trợ tối đa 06 tháng/khóa đào tạo:

a) Đào tạo nghề tại các cơ sở CNNT. Mức hỗ trợ tối đa 500.000 đồng/người/tháng.

b) Đào tạo theo hình thức gửi lao động đi đào tạo tại các tỉnh, thành trong nước. Mức hỗ trợ tối đa 800.000 đồng/người/tháng.

c) Đối với các nghệ nhân mở các lớp dạy nghề, truyền nghề cho lao động địa phương. Mức hỗ trợ tối đa 300.000 đồng/người/tháng nhưng không quá 1.000.000 đồng/người/khóa đào tạo.

#### 4. Hỗ trợ áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp

a) Tư vấn, đánh giá sản xuất sạch hơn và áp dụng kỹ thuật sản xuất sạch hơn cho các cơ sở. Mức hỗ trợ tối đa 80% chi phí nhưng không quá 40 triệu đồng/cơ sở.

b) Áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí nhưng không quá 250 triệu đồng/cơ sở.

c) Tổ chức tập huấn, hội thảo, tuyên truyền, phát hành các tài liệu, tờ rơi, ấn phẩm nhằm nâng cao nhận thức và năng lực ứng dụng sản xuất sạch hơn cho các cơ sở sản xuất công nghiệp. Mức chi áp dụng thực hiện theo Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và chế độ tài chính hiện hành.

#### 5. Hỗ trợ về bảo hộ thương hiệu, nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp

Hỗ trợ tư vấn thiết kế mẫu mã, bao bì, nhãn hiệu; In ấn, đóng gói sản phẩm ban đầu; Xây dựng, đăng ký bảo hộ, quản lý, phát triển, tuyên truyền quảng bá nhãn hiệu, thương hiệu hàng hoá, kiểu dáng công nghiệp sản phẩm. Mức hỗ trợ tối đa không quá 35 triệu đồng/thương hiệu, nhãn hiệu hoặc kiểu dáng công nghiệp.

#### 6. Hỗ trợ về thị trường, tiêu thụ sản phẩm

a) Tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm cho các cơ sở CNNT tại trong nước và nước ngoài. Hỗ trợ tối đa 100% các khoản chi phí thuê mặt bằng, thiết kế, dàn dựng gian hàng, vận chuyển, trình diễn sản phẩm, tuyên truyền, tổ chức, trang trí, khánh tiết, Ban tổ chức.

b) Cơ sở tham gia hội chợ, triển lãm khác trong nước được hỗ trợ tối đa 80% chi phí thuê gian hàng và 50% chi phí vận chuyển hàng hóa tham gia hội chợ.

c) Các cơ sở CNNT, tổ chức dịch vụ khuyến công đầu tư các phòng trưng bày, giới thiệu quảng bá các sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, làng nghề. Mức hỗ trợ tất cả các chi phí liên quan hình thành điểm trưng bày tối đa 40 triệu đồng/phòng trưng bày.

d) Tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu. Mức chi tối đa đối với cấp tỉnh là 150 triệu đồng/lần, cấp huyện 50 triệu đồng/lần. Giải thưởng cho các sản phẩm được chứng nhận cấp tỉnh tối đa 5 triệu đồng/sản phẩm, cấp huyện 3 triệu đồng/sản phẩm.

#### 7. Hỗ trợ phát triển cụm công nghiệp, điểm công nghiệp - làng nghề và di dời cơ sở gây ô nhiễm môi trường

a) Lập quy hoạch chi tiết các cụm công nghiệp, điểm công nghiệp - làng nghề. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí nhưng không quá 400 triệu đồng/cụm công nghiệp và không quá 200 triệu đồng/điểm công nghiệp - làng nghề.

b) Hỗ trợ xây dựng, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cơ sở sản xuất CNNT. Mức hỗ trợ 40% nhưng không quá 150 triệu đồng/cơ sở.

c) Hỗ trợ tư vấn, lãi suất vốn vay cho các cơ sở CNNT gây ô nhiễm môi trường trong khu dân cư thực hiện di dời vào các khu, cụm công nghiệp, điểm công nghiệp - làng nghề. Việc hỗ trợ áp dụng sau khi cơ sở CNNT hoàn thành việc đầu tư di dời và đi vào hoạt động sản xuất. Mức hỗ trợ tối đa 50% lãi suất cho các khoản vay để đầu tư nhà, xưởng, máy móc thiết bị trong 02 năm đầu nhưng không quá 200 triệu đồng/cơ sở. Trường hợp cơ sở không sử dụng vốn vay thì mức hỗ trợ tối đa 30% kinh phí để đầu tư nhà, xưởng, máy móc thiết bị nhưng không quá 150 triệu đồng/cơ sở.

8. Quản lý chương trình, đề án khuyến công và nâng cao năng lực thực hiện hoạt động khuyến công.

a) Xây dựng các chương trình, đề án, quản lý chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu các đề án khuyến công.

- Các cơ quan quản lý kinh phí khuyến công được sử dụng tối đa 1,5% kinh phí khuyến công được giao hàng năm thực hiện các hoạt động để chi xây dựng kế hoạch, kiểm tra, thẩm định, giám sát đề án khuyến công.

- Đối với các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ, hoạt động khuyến công được sử dụng tối đa 2,5% kinh phí khuyến công được giao (đối với các đề án triển khai tại các địa bàn thuộc nhóm 1 tại Khoản 1, Điều 4 của Nghị quyết 38/2020/NQ-HĐND được chi không quá 3,5%) để chi xây dựng đề án, quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu đề án khuyến công.

b) Xây dựng các chương trình, tài liệu và tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác khuyến công;

c) Tổ chức các đoàn khảo sát, học tập kinh nghiệm trong nước về hoạt động khuyến công cho cán bộ quản lý và doanh nghiệp, cơ sở CNNT trên địa bàn tỉnh; tổ chức các hội thảo chuyên đề, hội nghị đánh giá, tổng kết hoạt động khuyến công;

d) Xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh; xuất bản các bản tin, ấn phẩm, tờ rơi, tờ gấp; trang thông tin điện tử, cơ sở dữ liệu về hoạt động khuyến công và ngành công thương;

e) Đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện làm việc cho Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp tỉnh và cán bộ khuyến công cấp huyện;

Nội dung và kinh phí thực hiện cụ thể do cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định hiện hành.

9. Chính sách về khen thưởng



Hàng năm và từng giai đoạn 05 năm, các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh được Sở Công Thương xem xét, đề nghị cấp thẩm quyền khen thưởng theo quy định hiện hành.

*(Khi quy định tại các Thông tư, Quyết định được trích dẫn trên đây thay đổi thì áp dụng theo văn bản mới).*

### **Điều 8. Mức chi hoạt động khuyến công cấp huyện**

1. Căn cứ các quy định tại Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ, Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28/03/2018 của Bộ Tài chính, Nghị quyết số 38/2020/NQ-HĐND ngày 23/7/2020 của HĐND tỉnh và mức hỗ trợ hướng dẫn tại Quyết định này, Ủy ban Nhân dân cấp huyện quy định mức hỗ trợ cụ thể các hoạt động khuyến công cấp huyện cho phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách của địa phương.

2. Tùy vào tình hình thực tế và khả năng ngân sách địa phương, Ủy ban Nhân dân cấp huyện trình Hội đồng Nhân dân cùng cấp quy định các nội dung, hình thức hỗ trợ khác ngoài các nội dung quy định tại Quyết định này phù hợp với điều kiện thực tế và nhu cầu phát triển của địa phương.

## **Chương III XÂY DỰNG KẾ HOẠCH, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN KHUYẾN CÔNG**

### **Điều 9. Trình tự xây dựng kế hoạch, đăng ký, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện các đề án khuyến công**

1. Trình tự xây dựng kế hoạch, đăng ký, tổ chức thực hiện các đề án khuyến công cấp tỉnh

#### a) Đăng ký kế hoạch khuyến công

- Hàng năm, các đơn vị sự nghiệp khuyến công cấp huyện, gồm: Trung tâm khuyến công và Phát triển cụm công nghiệp, Trung tâm khuyến công, Phát triển cụm công nghiệp và dịch vụ công ích (sau đây gọi chung là Trung tâm khuyến công cấp huyện), Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh...(sau đây gọi chung là đơn vị đề xuất đề án) khảo sát kế hoạch đầu tư phát triển sản xuất và nhu cầu hỗ trợ khuyến công của các cơ sở CNNT, lựa chọn các đề án có quy mô bảo đảm theo hướng dẫn của Sở Công Thương và lập danh mục đăng ký hỗ trợ năm sau đăng ký về Sở Công Thương thông qua Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp tỉnh để tổng hợp.

- Đối với danh mục của các đơn vị sự nghiệp khuyến công cấp huyện thì được xác nhận bởi Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng các huyện, thị xã, thành phố.

- Trường hợp các cơ sở CNNT đăng ký trực tiếp tại Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp tỉnh thì phải được Trung tâm hướng dẫn, tổng hợp và thông báo cho các đơn vị phối hợp liên quan.

b) Rà soát, đánh giá danh mục và hướng dẫn hồ sơ thủ tục

Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị đề xuất danh mục đề án kiểm tra thực tế tại các cơ sở CNNT đăng ký khuyến công. Trên cơ sở chương trình khuyến công và nguồn ngân sách bố trí hàng năm để đánh giá, lựa chọn và hướng dẫn lập đề án khuyến công (tùy theo quy mô, nội dung đề án để đề xuất hỗ trợ kinh phí từ nguồn khuyến công quốc gia, tỉnh, huyện) trình Sở Công Thương để tổ chức thẩm định.

c) Thẩm định đề án khuyến công

Trên cơ sở các đề án trình thẩm định, Sở Công Thương phối hợp với Sở Tài chính thành lập Hội đồng thẩm định. Hội đồng có trách nhiệm xem xét, rà soát, đánh giá từng đề án khuyến công, thống nhất nội dung, mức hỗ trợ cụ thể và trình UBND tỉnh phê duyệt kinh phí hỗ trợ.

d) Tổ chức thực hiện

- Sau khi có quyết định phê duyệt các nội dung và mức hỗ trợ đề án khuyến công, Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp tỉnh tổ chức ký hợp đồng khuyến công với các đơn vị thực hiện đề án. Đồng thời, phối hợp các đơn vị đề xuất, hướng dẫn triển khai thực hiện các đề án theo đúng nội dung đã được phê duyệt.

- Sau khi hoàn thành các nội dung đề án, cơ sở CNNT lập báo cáo gửi về Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp tỉnh để tổ chức đoàn nghiệm thu. Thành phần đoàn gồm đại diện: Sở Công Thương, Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp tỉnh, đơn vị đề xuất đề án, Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng huyện, thị xã, thành phố (hoặc UBND phường, xã, thị trấn nơi thực hiện đề án).

- Sau nghiệm thu, đơn vị sử dụng kinh phí khuyến công hoàn chỉnh hồ sơ đúng quy định, Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp tỉnh tiến hành thanh lý hợp đồng và thanh toán kinh phí khuyến công cho đơn vị thực hiện đề án theo đúng quy định.

e) Điều chỉnh, ngừng thực hiện đề án

- Trong trường hợp bất khả kháng, các cơ sở CNNT cần phải điều chỉnh hoặc ngừng thực hiện đề án khuyến công thì phải có văn bản gửi về Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp tỉnh nêu rõ nguyên nhân, nội dung đề nghị điều chỉnh hoặc ngừng thực hiện.

- Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp tỉnh đánh giá lại các nội dung điều chỉnh của đề án, báo cáo Sở Công Thương trình UBND tỉnh phê duyệt.

g) Báo cáo hoạt động

Trong vòng 2 năm kể từ khi kết thúc đề án, các cơ sở CNNT được hỗ trợ khuyến công có trách nhiệm phối hợp báo cáo tình hình hoạt động khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

2. Trình tự xây dựng kế hoạch, đăng ký, tổ chức thực hiện các đề án khuyến công cấp huyện.

Trên cơ sở quy trình thực hiện đề án khuyến công cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố có thể áp dụng tương tự hoặc ban hành quy định riêng để áp dụng, quản lý phù hợp.

### **Điều 10. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí khuyến công**

1. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí khuyến công, gồm các nội dung chủ yếu sau

a) Tờ trình đề nghị hỗ trợ kinh phí khuyến công và cam kết thực hiện đề án được xác nhận bởi đơn vị đề xuất đề án;

b) Thuyết minh đề án khuyến công;

c) Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ liên quan đề án như: Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, dự án đầu tư, báo giá vật tư - thiết bị, hợp đồng kinh tế...

2. Số lượng và nơi nộp hồ sơ

a) Hồ sơ đề án khuyến công tỉnh được lập thành 05 bộ và nộp tại Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp tỉnh.

b) Hồ sơ đề án khuyến công cấp huyện được lập thành 04 bộ và nộp tại các Trung tâm Phát triển cụm công nghiệp và Khuyến công cấp huyện.

### **Điều 11. Nguyên tắc xét ưu tiên**

Khi thẩm định các đề án khuyến công, tùy theo cân đối kinh phí sự nghiệp khuyến công phân bổ hàng năm, Hội đồng thẩm định xem xét ưu tiên như sau:

a) Về địa bàn: đối với các đề án có đối tượng, nội dung xin hỗ trợ, quy mô tương tự nhau thì xét chọn theo lần lượt theo thứ tự các nhóm 1, 2, 3 tại Khoản 1, Điều 4 của Nghị quyết 38/2020/NQ-HĐND, nếu nằm trong cùng một nhóm thì ưu tiên thì xem xét thêm các nội dung ưu tiên khác.

b) Về ngành nghề và các lĩnh vực ưu tiên khác: Ưu tiên các ngành nghề, lĩnh vực tại Khoản 2 và 3, Điều 4 của Nghị quyết 38/2020/NQ-HĐND.

c) Đối với các đề án hỗ trợ sản xuất sạch hơn trong công nghiệp không quy định thứ tự ưu tiên về địa bàn và ngành nghề mà xét trên hiệu quả và sự cấp thiết của đề án do cơ quan quản lý chương trình xem xét, quyết định.

d) Mức kinh phí ưu tiên được xem xét trên cơ sở hạ thấp phần kinh phí đối ứng của các tổ chức, cá nhân thực hiện đề án thuộc địa bàn ưu tiên.

## **CHƯƠNG IV**

### **QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG KINH PHÍ KHUYẾN CÔNG**

**Điều 12. Lập, phân bổ, chấp hành, hoạch toán và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước**

Việc lập, chấp hành và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến công thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước của Bộ Tài chính và các quy định tại Quyết định này.

### 1. Lập và phân bổ dự toán.

a) Hàng năm, căn cứ số kiểm tra được cấp có thẩm quyền thông báo, Chương trình khuyến công giai đoạn đã được phê duyệt, các nội dung hoạt động để phục vụ phát triển ngành Công Thương và mức chi do Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh quy định, Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp tỉnh xây dựng dự toán ngân sách hằng năm gửi Sở Công Thương và Sở Tài chính để tổ chức thảo luận, tổng hợp trình UBND tỉnh phê duyệt dự toán sự nghiệp khuyến công năm sau chung trong dự toán hoạt động của Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp tỉnh.

b) Đối với việc lập, phân bổ, giao dự toán kinh phí khuyến công cấp huyện, Ủy ban Nhân dân cấp huyện quy định phù hợp với điều kiện của các địa phương và pháp luật về ngân sách nhà nước.

### 2. Chấp hành dự toán

a) Căn cứ vào dự toán chi ngân sách nhà nước của đơn vị được cấp có thẩm quyền giao, các đơn vị gửi chứng từ đến Kho bạc nhà nước nơi giao dịch để thực hiện kiểm soát.

b) Kho bạc nhà nước thực hiện kiểm soát, thanh toán cho từng nhiệm vụ chi, theo hướng dẫn chế độ quản lý, cấp phát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc nhà nước.

### 3. Công tác hạch toán, quyết toán

a) Các đơn vị trực tiếp sử dụng kinh phí khuyến công có trách nhiệm quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định hiện hành.

b) Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp tỉnh chịu trách nhiệm quyết toán kinh phí khuyến công tỉnh hằng năm với Sở Tài chính.

c) Đối với việc quyết toán kinh phí khuyến công cấp huyện, Ủy ban Nhân dân cấp huyện quy định phù hợp với điều kiện của các địa phương.

## **Chương V** **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 12. Tổ chức thực hiện**

#### 1. Trách nhiệm của Sở Công Thương

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị liên quan hướng dẫn thực hiện Quyết định này.

b) Hướng dẫn cụ thể các nội dung, quy định mức quy mô đề án các cấp ở địa phương, mẫu đề án, hồ sơ chứng từ, quy trình thực hiện cụ thể, điều chỉnh, ngừng thực hiện đề án, công tác phối hợp trong hoạt động khuyến công và hướng dẫn nghiệp vụ khuyến công cấp huyện.

c) Phối hợp với cơ quan liên quan kiểm tra định kỳ, đột xuất; giám sát đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu của các đề án, chương trình bảo đảm việc quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả.

d) Tổ chức các hoạt động đánh giá, tổng kết Chương trình khuyến công giai đoạn và đề xuất khen thưởng trong hoạt động khuyến công.

2. Sở Tài chính: Cân đối nguồn vốn khuyến công trong dự toán ngân sách hằng năm trình UBND tỉnh, HĐND xem xét, quyết định; thực hiện thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công theo quy định.

3. Các Sở, Ban, ngành liên quan theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị phối hợp, tuyên truyền, lồng ghép các chương trình với hoạt động khuyến công để phát huy tối đa hiệu quả khuyến khích phát triển công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

4. UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm tổ chức hoạt động khuyến công cấp huyện tùy theo điều kiện của từng địa phương và báo cáo kết quả hoạt động hằng năm về Sở Công Thương (qua Trung tâm Khuyến công và Tư vấn PTCN) để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Công Thương.

5. Trách nhiệm của Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp tỉnh

a) Chủ động xây dựng kế hoạch, dự toán khuyến công hằng năm và bổ sung (nếu có) trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Tổ chức triển khai thực hiện các các hoạt động khuyến công theo chương trình kế hoạch được duyệt; đề xuất các nhiệm vụ thiết thực, phù hợp với điều kiện địa phương và nhu cầu phát triển ngành Công Thương.

c) Tham mưu Sở Công Thương các quy định, văn bản hướng dẫn thực hiện hoạt động khuyến công phù hợp, hiệu quả. Báo cáo kết quả hoạt động theo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu.

d) Phối hợp các đơn vị đề xuất đề án, đánh giá, lựa chọn những đề án đáp ứng yêu cầu, phù hợp với định hướng phát triển của địa phương trình các cấp phê duyệt hỗ trợ kinh phí thực hiện. Hướng dẫn, đôn đốc các doanh nghiệp, cơ sở CNNT triển khai các đề án đúng nội dung, trình tự và thanh toán kinh phí khuyến công đúng quy định. Kiểm tra, giám sát thực hiện đề án theo hợp đồng đã ký kết; kịp thời phát hiện các sai phạm của các doanh nghiệp, cơ sở CNNT trong quá trình thực hiện đề án khuyến công để chấn chỉnh, trường hợp vượt thẩm quyền thì báo cáo trên để xem xét giải quyết.

e) Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, tập huấn nhằm đảm bảo đưa thông tin về chính sách đến tận cơ sở một cách hiệu quả nhất. Phối hợp hướng dẫn nghiệp vụ khuyến công cho các đơn vị sự nghiệp khuyến công cấp huyện.

g) Mở sổ sách kế toán, hoạch toán đầy đủ thu, chi theo quy định. Định kỳ báo cáo tình hình sử dụng kinh phí, cuối năm lập báo cáo quyết toán theo quy định hiện hành.

6. Trách nhiệm các tổ chức, cá nhân được hỗ trợ nguồn vốn khuyến công

a) Thực hiện đúng các nội dung đã được phê duyệt hỗ trợ. Sử dụng kinh phí hỗ trợ đúng nội dung, mục đích và hiệu quả.

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin đề án, hồ sơ, chứng từ cung cấp.

c) Tạo điều kiện thuận lợi để các cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, đánh giá, giám sát.

7. Các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm các quy định của Quy chế này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, các cấp, các ngành, các tổ chức và cá nhân phản ánh về Sở Công Thương để tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét, sửa đổi cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**